TOÀ ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
HUYỆN PHÚ XUYÊN	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
T PHỐ HÀ NỘI	

Bản án số: 25/2019/HNGĐ-ST
Ngày 28/10/2019
Về việc: "Chị P xin ly hôn anh T"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ XUYÊN,T PHỐ HÀ NỘI

- Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Quang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Phong
2. Bà Phạm Thị Thanh Thủy

- ***Thư ký ghi biên bản phiên toà***: Bà Đặng Thị Thanh Huyền; Thư ký Tòa án

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Xuyên tham gia phiên tòa***: Ông Bùi Quốc Trưởng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28/10/2019 tại trụ sở TAND huyện Phú Xuyên để xét xử công khai vụ án thụ lý số: 181/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2019. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 9 năm 2019; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị P - Sinh năm 1988.
HKTT: Thôn Đ, xã T, huyện P, TP Hà Nội.
Và Bị đơn: Anh Trần Văn T - Sinh năm 1984
HKTT: Thôn Đ, xã T, huyện P, TP Hà Nội.
Chị P có mặt, anh T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn ghi ngày 20/7/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án tại toà, nguyên đơn chị Lê Thị P trình bày:

Chị và anh Trần Văn T tự nguyện tìm hiểu, kết hôn vào ngày 20/02/2008, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện P. Sau khi cưới, chị về chung sống với anh ngay, nhưng tình cảm không hòa thuận, vợ chồng thường xuyên va chạm, đánh cãi nhau do anh T mải chơi, thiếu trách nhiệm với vợ con, lại thêm quan hệ mẹ chồng – con dâu có nhiều bất đồng, nên chị quyết định ly thân anh từ tháng 01/2019 đến nay. Nhận thấy hạnh phúc, không có, tình cảm không còn, hôn nhân không thể hàn gắn, chị đề nghị được ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Khánh D, sinh ngày 23/12/2008 và cháu Trần Minh K, sinh ngày 26/01/2012. Hiện cháu D ở với anh T, cháu K ở với chị. Chị P đề nghị mỗi người nuôi 01 cháu, không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Về tài sản chung vợ chồng: Chị P không yêu cầu Tòa xét.

Phía bị đơn, anh Trần Văn T vắng mặt tại Tòa án không có lý do.

Tại phiên tòa: Chị Lê Thị P giữ nguyên quan điểm của mình về việc kiện. Anh T vắng mặt.

Đại diện VKSND huyện Phú Xuyên tham gia phiên toà phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các qui định về thủ tục tố tụng của Pháp luật TTDS trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tố tụng của mình. Bị đơn không thực hiện nghĩa vụ tham gia tố tụng. Đề nghị HĐXX, xét xử vụ án theo qui định của pháp luật.

Về nội dung: *Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị P. Giao anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Khánh Duy, giao chị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Minh Khánh. Tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi con cho các bên. Không xét quan hệ tài sản chung vợ chồng. Chị P phải chịu án phí ly hôn theo qui định của pháp luật.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên toà. Trên cơ sở lời trình bày của đương sự và quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết tại Tòa án và tại phiên tòa, anh T vắng mặt không có lý do. Vì vậy, theo qui định tại điều 227, 228 Bộ luật TTDS, Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh T .

Về Nội dung:

Về hôn nhân: Chị Lê Thị P và anh Trần Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng kí kết hôn ngày 20/02/2008 tại UBND xã T. Quá trình chung sống, tình cảm các bên hòa thuận, hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tin tưởng nhau, phần như chị P và bố mẹ anh T xác nhận là anh T ham chơi, phần quan hệ giữa chị P với gia đình bên chồng cũng không tìm được tiếng nói chung. Mâu thuẫn ngày thêm trầm trọng, tháng 3/2019, chị P đã 01 lần làm đơn ly hôn anh T tại Tòa, nhưng sau đó lại rút đơn về đoàn tụ. Tuy nhiên, việc rút đơn của chị P cũng không có ý nghĩa gì nhiều, khi mà các bên vẫn sống ly thân, phía anh T khi biết chị P xin ly hôn cũng không hợp tác, không về Tòa án tham gia hòa giải để níu giữ hôn nhân, dù anh có bày tỏ với gia đình là anh xin đoàn tụ. Do đó, HĐXX xác định, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Lê Thị P và anh Trần

Văn T đã trầm trọng và kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần áp dụng các qui định tại điều 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình và điều 39 BLDS để xử cho chị P được ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Khánh D, sinh ngày 23/12/2008 và cháu Trần Minh K, sinh ngày 26/01/2012. Hiện cháu D ở với anh T, cháu K ở với chị. Xét yêu cầu của chị P đề nghị được duy trì việc nuôi con như hiện tại, Tòa nhận thấy, ngay từ thời điểm ly thân, cả anh T và chị P, dường như đã có 01 sự thỏa thuận ngầm, khi anh T giữ lại cháu D để chăm sóc, còn chị P thì mang theo cháu K bên mình, hiện tại các cháu đã ăn ở ổn định với anh hoặc với chị từ tháng 4/2019 đến nay, bản thân cháu D, đồng ý ở với anh T và ông bà nội, cháu K cũng mong muốn được chị P nuôi dưỡng, nên việc giữ nguyên tình trạng ăn ở, học tập của các cháu như hiện tại là cần thiết, vừa đảm bảo việc chăm sóc nuôi dưỡng các cháu, vừa tránh các xáo trộn không cần thiết ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường của trẻ em. Do vậy, HĐXX quyết định giao cháu D cho anh T và giao cháu K cho chị P, được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con, do mỗi người nuôi dưỡng 01 cháu, chị P đề nghị các bên không phải cấp dưỡng nuôi cho nhau phù hợp, nên Tòa tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi con cho các bên đến khi nào có yêu cầu hoặc có sự thay đổi theo qui định của pháp luật.

Các bên được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

Về tài sản chung vợ chồng: Chị P không đề nghị Tòa xét, trong khi anh T vắng mặt, nên Tòa án không xét trong vụ án này. Trường hợp sau này, nếu các bên có tranh chấp và có yêu cầu, thì Tòa án sẽ xem xét, giải quyết trong một vụ án dân sự khác theo qui định của pháp luật.

Về án phí: Chị P phải chịu án phí ly hôn theo qui định của pháp luật.

Bởi những nhận định trên,

TOÀ QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 39 BLDS; Khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật TTDS và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội qui định về thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị P.

- ***Về hôn nhân***: Chị Lê Thị P được ly hôn anh Trần Văn T

- ***Về con chung***: Giao cháu Trần Khánh D, sinh ngày 23/12/2008 cho anh Trần Văn T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Trần Minh K, sinh ngày 26/01/2012 cho chị Lê Thị P được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi con cho các bên, đến khi một hoặc các bên có yêu cầu hoặc có sự thay đổi theo qui định của pháp luật.

Anh Trần Văn T và chị Lê Thị P được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

- ***Về án phí***: Chị Lê Thị P phải nộp **300.000** đ (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số **300.000** đ (ba trăm ngàn đồng)tiền tạm ứng án phí nộp tại phiếu thu số AE/2010/0005488 ngày 20/8/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Xuyên. Chị P đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được kết quả bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:
- TATP Hà Nội
- VKSND huyện
- Sở Tư pháp
- UBND xã T
- Chi cục THADS
- Các ĐS
- Lưu HS

TM. Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Nguyễn Văn Quang